

Bản án số: 1031/2024/DS-PT
Ngày: 16 - 12 - 2024
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế và
chia tài sản chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 510/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp di sản thừa kế và chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7386/2024/QĐPT ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Nguyên đơn:

1.1/ Bà Đinh Thị T, sinh năm 1952; Địa chỉ: C N, tổ B, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Chết năm 2022).

1.2/ Bà Đinh Thị V, sinh năm 1949; Địa chỉ: C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Chết năm 2018).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đinh Thị V, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.2.1/ Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

1.2.2/ Bà Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

1.2.3/ Bà Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Hẻm E, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

1.2.4/ Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1975; Địa chỉ: C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P: Bà Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T2 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt

1.2.5/ Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1973; Địa chỉ: C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/ Bị đơn: Bà Đinh Thị T3, sinh năm 1961; Địa chỉ: C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Đinh Thị L (T4), sinh năm 1958; Địa chỉ: C N, tổ B khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

3.2/ Bà Đinh Thị Tuyết L, sinh năm 1964; Địa chỉ liên lạc: 335 N, tổ B khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

3.3/ Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1970; Địa chỉ: C N, tổ B khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Tuyết L: Ông Nguyễn Văn T2 và ông Đỗ Ngọc C – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt

3.4/ Bà Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A (cũ E) L, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

Bà Đinh Thị A, sinh năm 1956 (đã chết).

Người thừa kế của bà Đinh Thị A:

3.5/ Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1984. Có mặt

3.6/ Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1980. Có mặt

Cùng địa chỉ: B tổ A, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.7/ Bà Nguyễn Thị Hồng T6, sinh năm 1978, định cư tại Úc không rõ địa chỉ.

3.8/ Bà Nguyễn Thị Hồng L3, sinh năm 1994, sinh sống tại M không rõ địa chỉ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T5: Ông Đỗ Ngọc C – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

3.9/ Bà Đinh Thị Ngọc D, sinh năm 1968; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: E C, S, Hoa Kỳ.

3.10/ Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.11/ Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1985 và bà Châu Thị Mỹ P1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số C N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.12/ Ông Lưu Đình Đ; Địa chỉ: số A (cũ E) L, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

3.13/ Văn phòng Công chứng Chân Phong tỉnh B; Địa chỉ: Tổ F, khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Xin xét xử vắng mặt

3.14/ Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh D1. Xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố B: Bà Lê Thị Ngọc M – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị Tuyết L, ông Nguyễn Ngọc T5, bà Đinh Thị T3, bà Đinh Thị Thu H1 và bà Đinh Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị T và bà Đinh Thị V trình bày:

Ông Đinh Văn V2 (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2014) là vợ chồng, có 09 người con chung là: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1949; bà Đinh Thị T, sinh năm 1952; bà Đinh Thị A, sinh năm 1956 (chết năm 2011); bà Đinh Thị L, sinh năm 1958; Bà Đinh Thị T3, sinh năm 1961; bà Đinh Thị Tuyết L, sinh năm 1964; bà Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1967; bà Đinh Thị Ngọc D, sinh

năm 1968; bà Đinh Thị L1, sinh năm 1970. Bà B1 và ông V2 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Tài sản của ông V2 và bà B1 để lại là:

- Diện tích đất thửa 116 (cũ là 123), 117 (cũ là 145), tờ bản đồ 18 (cũ là 119), phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhà và tài sản gắn liền với đất.

- Diện tích đất ở phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, gồm:

+ Diện tích 1.401.3m² (đất trồng cây lâu năm) thửa số 26, tờ bản đồ số 04 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 525285 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3.

+ Diện tích 536m² (đất trồng cây hàng năm khác) gồm thửa 19, 23, 27, tờ bản đồ số 05 (29.8m² thửa 19; 301.5m² thửa 23; 204.7m² thửa 27) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 525596 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3.

+ Diện tích 4.145m² (đất trồng cây hàng năm khác) gồm thửa 31, 32, 33, 34, 35, tờ bản đồ số 05 (80m² thửa 31; 640m² thửa 32; 3000m² thửa 33; 316m² thửa 34; 109m² thửa 35) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH-01418 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3.

+ Diện tích 3.480m² (đất trồng cây hàng năm khác) gồm thửa 24, 18, 25, 28, 29, 30, tờ bản đồ số 05 (336m² thửa 24; 440m² thửa 18; 890m² thửa 25; 470m² thửa 28; 256m² thửa 29; 1.088m² thửa 30) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 525287 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3.

+ Diện tích 142.4m² (đất trồng lúa) thửa 26, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 525292 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3.

+ Diện tích 1.282.9m² (đất trồng lúa) gồm thửa 37, 36, 49, tờ bản đồ số 05 (353.1m² thửa 37; 809.8m² thửa 36 và 120m² thửa 49) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH-01417 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3.

- Số tiền 600.000.000 đồng là tiền được bồi thường phần đất thu hồi làm đường tranh tuyến ở phường L hiện bà T3 đang quản lý.

Ông V2 và bà B1 chết không để lại di chúc.

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2017 và bản khai, nguyên đơn bà Đinh Thị T và bà Đinh Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản của ông V2 và bà B1 là diện tích đất ở phường L, diện tích đất ở phường P và số tiền 600.000.000 đồng theo hướng chia cho 09 người con của ông V2 và bà B1 mỗi người hưởng 1/9 giá trị.

Năm 2018 bà Đinh Thị V chết.

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020 và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn bà Đinh Thị T và người kế thừa tố tụng của bà V là bà Nguyễn Thị Thúy V1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông V2 và bà B1 như sau:

+ Đối với diện tích đất tại phường L, thành phố B và số tiền 600.000.000 đồng bồi thường thu hồi đất bà T3 đang quản lý: Chia cho 09 người con của ông Đinh Văn V2 và bà Nguyễn Thị B1 theo hướng mỗi người được hưởng 1/9 giá trị.

+ Đối với căn nhà và đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ 18, phường P, thành phố B do bà T3 đang sử dụng không yêu cầu chia mà để làm nhà thờ tự.

+ Đối với diện tích đất thửa 117, tờ bản đồ 18, phường P, thành phố B (trừ phần đất thuộc thửa 116 và một phần thửa 117 bà T3 đang sử dụng): Chia cho bà T, bà Đinh Thị L1, Đinh Thị L, bà Nguyễn Thị Thu T1, ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Xuân B được quyền sử dụng chung.

+ Không yêu cầu giải quyết đối với phần đất giao thông và phần đất thực tế các bên không sử dụng.

Năm 2022 bà Đinh Thị T chết.

* Sau khi nguyên đơn bà Đinh Thị T chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đinh Thị V và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P do bà Nguyễn Thị Thúy V1 đại diện trình bày: Thống nhất tài sản tranh chấp trong vụ án là di sản của ông Đinh Văn V2 và bà Nguyễn Thị B1 chưa chia. Việc sang tên quyền sử dụng đất từ bà B1 sang bà Đinh Thị T3 là để bà T3 đứng tên đại diện sau này chia theo quy định. Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà B1 và bà T3, chia thừa kế di sản của bà B1 và ông V2 như sau:

Đối với bà Đinh Thị T chết không có chồng, con nên phần hưởng của bà T chia đều cho người thừa kế còn lại theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Đinh Thị V và bà Đinh Thị A đã chết thì phần hưởng của bà V và bà A do người thừa kế của những người này hưởng.

Yêu cầu chia di sản thừa kế như sau:

- Diện tích đất tại phường L, thành phố B: Chia cho 08 người con của ông Đinh Văn V2, bà Nguyễn Thị B1 hưởng theo hướng mỗi người được hưởng 1/8 giá trị, theo đó chia cho bà Đinh Thị Thu H1 và bà Đinh Thị Tuyết L mỗi người được chia phần riêng; bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị L, người thừa kế của bà Đinh Thị V và người thừa kế của bà Đinh Thị A được chia hưởng chung phần còn lại.

Đối với cây trồng trên đất tại phường L, thành phố B do bà Đinh Thị Thu H1 trồng. Ai được hưởng phần đất có cây trồng của bà H1 thì có nghĩa vụ trả lại giá trị cây trồng cho bà H1.

- Đối với nhà và đất thuộc thửa số 116, 117 tờ bản đồ số 18, phường P, thành phố B (theo Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính năm 2022 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B), chia hưởng như sau:

+ Chia cho bà Đinh Thị L1, Đinh Thị L, bà Đinh Thị Tuyết L, các thừa kế của bà Đinh Thị V, các thừa kế của bà Đinh Thị A được quyền sử dụng chung diện tích đất thực tế đang sử dụng thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 18, phường P, thành phố B (các lô B, C, D, E, F mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 30/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B).

+ Bà Đinh Thị T3 và bà Đinh Thị Ngọc D được quyền sở hữu, sử dụng nhà và diện tích đất 207,2m² thuộc thửa 116 và 7,2m² thuộc thửa 117 (lô A mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 30/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B).

- Chia 600.000.000 đồng bà T3 đang quản lý là tiền được bồi thường thu hồi diện tích đất 2.049,4m² tại phường L cho 08 người con của ông Đinh Văn V2 và bà Nguyễn Thị B1 theo hướng mỗi người được thừa hưởng 1/8 giá trị theo quy định pháp luật.

- Người được chia tài sản có giá trị cao hơn có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản cho những người được chia tài sản có giá trị thấp hơn theo quy định của pháp luật.

- Đối với diện tích đất giao thông 51,7m² + 10,6m² + 10,7m² + 13,6m² + 11,6m² + 17,9m² và diện tích đất: 0,4m² thửa 116; 1,4m² thửa 117; 8,1m² thửa 104; 3,7m² + 0,1m² + 0,4m² + 1,0m² thửa 168; 2,3m² thửa 106; 39,4m² thửa 118 (theo Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 30/5/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đề nghị Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn V3 là người thuê nhà vào tham gia tố tụng vì diện tích đất ông V3 sử dụng không liên quan đến đất tranh chấp.

* Bị đơn bà Đinh Thị T3 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L2 và ông Nguyễn Ngọc T5 trình bày: Ông L2 và ông T5 là con của bà Đinh Thị A và ông Nguyễn Văn L4, cha mẹ đều đã chết, bà A có 4 người con là ông L2, ông T5, bà Nguyễn Thị Hồng T6, bà Nguyễn Thị Hồng L3. Bà T6 và bà L3 cư trú ở nước ngoài không rõ địa chỉ, không liên lạc được. Ông L2 và ông T5 đồng ý với trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy V1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đinh Thị V về việc giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị Tuyết L, bà Đinh Thị L1: Đồng ý và thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy V1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đinh Thị V về việc giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu H1, ông Lưu Đình Đ, ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Hồng X, ông Nguyễn Tấn N, ông Nguyễn Duy K, bà Châu Thị Mỹ P1: Vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Ngọc D: Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp đối với bà D để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà D vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến.

* Ủy ban nhân dân thành phố B đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Văn phòng C trình bày: Việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Đinh Thị T3 đối với tài sản đang tranh chấp trong vụ án là bảo đảm pháp luật, không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị giải quyết vắng mặt.

*** *Tại bản án dân sự số 24/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:***

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 38, 147, 153, 157, 165, 228, 244, 477, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 166, 186 Luật đất đai; các Điều 468, 612, 613, 614, 618, 649, 650, 651, 652, 660, 688 của Bộ luật dân sự; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đình Thị T và bà Đình Thị V đối với phần yêu cầu chia di sản diện tích đất 949,6m² ở phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đình Thị T và bà Đình Thị V về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đình Thị T và bà Đình Thị V về yêu cầu chia di sản của ông Đình Văn V2.

3.1. Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Đình Thị T3 đối với phần di sản của ông Đình Văn V2 trong vụ án. Chia di sản thừa kế của ông Đình Văn V2 như sau:

3.2. Bà Đình Thị L, bà Đình Thị Tuyết L, bà Đình Thị L1, người thừa kế của bà Đình Thị V là bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Xuân B, người thừa kế của bà Đình Thị A là ông Nguyễn Ngọc T5, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng L3, bà Nguyễn Thị Hồng T6 được quyền sở hữu, sử dụng chung nhà và đất thuộc một phần thửa 116 và một phần thửa 117, tờ bản đồ 18, phường P, thành phố B (các lô B, C, D, E, F - Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B), trong đó: Bà Đình Thị L, bà Đình Thị Tuyết L, bà Đình Thị L1 mỗi người hưởng 1/5 giá trị; người thừa kế của bà Đình Thị V là bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Xuân B hưởng 1/5 giá trị; người thừa kế của bà Đình Thị A là ông Nguyễn Ngọc T5, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng L3, bà Nguyễn Thị Hồng T6 hưởng 1/5 giá trị.

3.3. Bà Đình Thị L, bà Đình Thị Tuyết L, bà Đình Thị L1, người thừa kế của bà Đình Thị V là bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Xuân B, người thừa kế của bà Đình Thị A là ông Nguyễn Ngọc T5, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng L3, bà Nguyễn Thị Hồng T6 được quyền sử dụng chung diện tích đất 1.402,5m² thửa 26, tờ bản đồ 04, phường L, thành phố B (trong đó: Bà Đình Thị L, bà Đình Thị Tuyết L, bà Đình Thị L1 mỗi người hưởng 1/5 giá trị; người thừa kế của bà Đình Thị V là bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Xuân B hưởng 1/5 giá trị; người thừa kế của bà Đình Thị A là ông Nguyễn Ngọc T5, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng L3, bà Nguyễn Thị Hồng T6 hưởng 1/5 giá trị).

3.4. Bà Đình Thị Thu H1 được quyền sử dụng diện tích đất 829,1m² thửa 26, 27, 28 tờ bản đồ số 5, phường L, thành phố B.

3.5. Bà Đinh Thị T3 được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất diện tích 214,4m² (gồm 207m² thửa 116 và 7,2m² thửa 117, tờ bản đồ 18, phường P, thành phố B - lô A M1 đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B).

3.6. Bà Đinh Thị T3 được quyền sở hữu, sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa số 18, 19, 23, 24, 25, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 49 tờ bản đồ số 5, phường L, thành phố B.

3.7. Bà Đinh Thị T3 được sở hữu số tiền bồi thường thu hồi đất 600.000.000 đồng.

4. Bà Đinh Thị T3 có nghĩa vụ trả giá trị tài sản được hưởng và giá trị tài sản chênh lệch cho những người thừa kế khác, cụ thể như sau:

4.1. Trả cho bà Đinh Thị Ngọc D số tiền 1.511.828.500 đồng.

4.2. Trả cho bà Đinh Thị Thu H1 số tiền 253.388.500 đồng tiền hưởng di sản và 6.779.000 đồng tiền cây trồng trên đất.

4.3. Trả cho bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị Tuyết L, bà Đinh Thị L1 mỗi người là 90.835.700 đồng.

4.4. Trả cho người thừa kế của bà Đinh Thị V là bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Vân H, ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Xuân B số tiền 90.835.700 đồng, chia phần mỗi người là 18.167.000 đồng.

4.5. Trả cho người thừa kế của bà Đinh Thị A là ông Nguyễn Ngọc T5, ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng L3, bà Nguyễn Thị Hồng T6 số tiền 90.835.700 đồng, chia phần mỗi người là 22.708.000 đồng.

5. Giao cho bà Đinh Thị T3 quản lý phần hưởng di sản của bà Đinh Thị Ngọc D cho đến khi bà D yêu cầu theo quy định.

6. Giao cho ông Nguyễn Ngọc T5 và ông Nguyễn Thanh L2 quản lý phần hưởng di sản của bà Nguyễn Thị Hồng L3 và bà Nguyễn Thị Hồng T6 cho đến khi bà L3 và bà T6 yêu cầu theo quy định.

7. Bà Đinh Thị T3 có nghĩa vụ giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 525285, BO 525296, BO 525287, BO 525292, BO 525290, BO 525288, BO 525595 và BO 525596 do UBND thành phố B cấp ngày 05/11/2013 đứng tên bà Đinh Thị T3 cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện chỉnh lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án và theo quy định.

Trường hợp bà Đinh Thị T3 không thực hiện giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai trên có

quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để thực hiện chính lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án và theo quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 02/11/2023, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy V1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị Tuyết L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 03/11/2023, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T5 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 22/11/2023, bị đơn bà Đinh Thị T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu H1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 01/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Ngọc D làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người liên quan phát biểu quan điểm như sau:*

Toàn bộ di sản là do 2 cụ và các con cùng quản lý, sử dụng tại các phường L và P. Trên đất tranh chấp hiện có nhiều căn nhà (06 căn) và 01 nhà nghỉ. Những căn nhà này đã được cha mẹ chia cho khi còn sống, nhưng hiện tại vẫn là đất nông nghiệp. Toàn bộ diện tích đất này là cấp cho hộ, nhưng không hiểu sao khi còn sống, bà B1 lại mời công chứng chứng thực việc chuyển nhượng cho bà T3 mà những người con khác không được biết. Việc công chứng ngoài trụ sở là không đúng quy định của pháp luật. Việc tự định đoạt của bà B1 là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:

Về nguồn gốc đất các đương sự đều thừa nhận do 2 cụ V2, cụ B1 để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đối với yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy:

[1] Xét các yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy V1, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Đinh Thị V; kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị T3; kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị L, Đinh Thị Tuyết L, bà Đinh Thị Thu H1; kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T5, là người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị A đều có nội dung kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án dân sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1.1] Nguyên đơn bà Đinh Thị T và bà Đinh Thị V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa 26, tờ bản đồ số 4; các thửa 18, 19, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 49, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại phường L, có tổng diện tích (theo đo đạc thực tế) là 10.038m²;

- Quyền sử dụng diện tích đất 407,6m² (theo Trích lục địa chính ngày 30/5/2022) tọa lạc tại phường P, thành phố B;

- Số tiền 600.000.000 đồng, là tiền bồi thường do thu hồi diện tích 2.049m² đất tại thửa 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, tờ bản đồ số 5, phường L, thành phố B;

Vì cho rằng, các tài sản nêu trên là di sản của vợ chồng cụ Đinh Văn V2 (chết năm 1989) và cụ Nguyễn Thị B1 (chết năm 2014) để lại, không có di chúc.

Bị đơn bà Đinh Thị T3 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật, vì cho rằng: các tài sản nêu trên không phải là di sản của cụ V2, là tài sản riêng của cụ B1. Cụ B1 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà T3, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã có hiệu lực pháp luật, bà T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không còn là di sản mà là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà T3.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị Tuyết L; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị A thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại cấp sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đinh Thị Thu H1; bà Đinh Thị Ngọc D, ông Lưu Đình Đ, ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Hồng X, ông Nguyễn Tấn N, ông Nguyễn Duy K và bà Châu Thị Mỹ P1 không có ý kiến. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Đinh Thị Thu H1 và bà Đinh

Thị Ngọc D có đơn kháng cáo không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.2] Đương sự thống nhất với nhau các vấn đề như sau:

- Về quan hệ huyết thống: Vợ chồng cụ Đinh Văn V2 (chết năm 1989) và cụ Nguyễn Thị B1 (chết năm 2014), không có di chúc, có 09 con chung gồm: bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị A (chết năm 2011), bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị T3, bà Đinh Thị Tuyết L, bà Đinh Thị Thu H1, bà Đinh Thị Ngọc D và bà Đinh Thị L1.

- Về giá trị di sản: Di sản có tổng giá trị 27.212.913.000 đồng.

Các đương sự không thống nhất về di sản.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định nguồn gốc quyền sử dụng đất do vợ chồng cụ V2, cụ B1 cùng tạo lập, là tài sản chung vợ chồng của cụ V2, cụ B1. Cụ V2 (chết năm 1989) và cụ B1 (chết năm 2014), không có di chúc. Thời hiệu khởi kiện đối với di sản thừa kế của cụ V2 (thời hiệu 30 năm) vẫn còn. Khi còn sống, từ năm 1997 đến năm 2011, cụ B1 có kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ B1 đối với các quyền sử dụng đất nêu trên. Ngày 14/8/2013 và ngày 16/9/2013, cụ B1 lập hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà T3. Bà T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng, bà T3 chỉ đại diện đứng tên trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cụ B1 chết sẽ chia lại nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định $\frac{1}{2}$ giá trị trong khối tài sản là di sản thừa kế của cụ V2 và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ V2 cho những người thừa kế theo pháp luật. $\frac{1}{2}$ là tài sản riêng của cụ B1 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho bà T3 nên tuyên hủy một phần hợp đồng tặng cho đối với phần di sản cụ V2 là có cơ sở.

[3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập, tài liệu, chứng cứ để xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về thanh toán công sức đóng góp trong khối di sản: Tại cấp sơ thẩm, bà Đinh Thị T3 không yêu cầu về công sức trong việc bảo quản, duy trì, quản lý di sản, vì cho rằng quyền sử dụng đất yêu cầu chia thừa kế đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T3 nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T3, không phải là di sản thừa kế. Vì vậy, bà T3 không đồng ý chia thừa kế. Xét yêu cầu không chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của bà T3 là yêu cầu lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Trong khi đó, bà T3 có nhiều công sức trong việc quản lý di sản, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước để được cấp quyền sử dụng đất. Do đó, cần phải thu thập tài liệu, chứng cứ về vấn đề này để

xem xét, xử lý. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập, tài liệu chứng cứ để xem xét xử lý đối với vấn đề thanh toán công sức là chưa giải quyết triệt để và toàn diện vụ án, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

- Đồng thời, phía nguyên đơn trình bày, đối với cây trồng trên đất tại phường L là do bà Đinh Thị Thu H1 trồng, ai nhận đất có cây trồng của bà H1 thì phải hoàn trả giá trị cho bà H1. Tòa án cấp sơ thẩm chia quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại phường L nhưng không xác minh làm rõ cây trồng trên đất là do ai trồng, có yêu cầu như thế nào, không giải quyết nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng. Tại cấp phúc thẩm, bà H1 trình bày cây trồng là do bà trồng, nhưng bà H1 không cung cấp chứng cứ chứng minh, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không thể thu thập bổ sung những vấn đề này.

- Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: trên phần đất tranh chấp, mà cụ thể là phần đất mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà T3 quản lý, sử dụng hiện đang tồn tại một số căn nhà của các đương sự gồm: Gia đình bà T4, bà L và bà V, hiện tại những người này đang sinh sống tại đây. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đến những tài sản này là giải quyết chưa toàn diện, triệt để tranh chấp và sẽ khó khăn cho việc thi hành án sau này.

[4] Tóm lại: Do trong quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, việc giải quyết chưa toàn diện, triệt để... Thiếu sót này đã ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn diện, triệt để tranh chấp, chưa đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

2. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, vì vậy các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đinh Thị Ngọc D, bà Đinh Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Thúy V1, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Tuyết L và ông Nguyễn Ngọc T5 số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0000230 ngày 02/02/2024, Biên lai thu số 0000094 ngày 29/11/2023, Biên lai thu số 0000067 ngày 15/11/2023, Biên lai thu số 0000066 ngày 15/11/2023, Biên lai thu số 0000065 ngày 15/11/2023 và Biên lai thu số 0000062 ngày 15/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười

